

UNIT 1: BACK TO SCHOOL

I. VOCABULARY

classmate (n): bạn cùng lớp

still (adv) : vẫn

unhappy (adj) : không vui

different (adj) : khác, khác nhau

pretty = quite (adv): khá

ex: pretty good, quite good: khá tốt

lots of = a lot of : nhiều

uncle (n): cậu, chú, bác

aunt (n) : cô, dì, thím, mợ

miss (v) : nhớ, nhớ nhung

distance (n): khoảng cách

lunchroom (n): phòng ăn trưa

means (n): phương tiện

transport (n): sự chuyên chở, vận tải

far (adj./adv): xa

II. GRAMMAR

A. DANH TỪ SỐ NHIỀU, DANH TỪ SỐ ÍT:

* Singular (số ít):

a + Consonant (phụ âm) ex: a **g**irl, a **b**oy

an + Vowel Sound (nguyên âm) ex: an **e**gg, an **a**pple

* Plural (số nhiều):

many + Plural N (danh từ số nhiều)

any + Plural N/ Uncountable N (danh từ số nhiều/ danh từ không đếm được): dùng cho câu phủ định và nghi vấn.

A lot of/ Lots of + Plural N/ Uncountable N

B. COMPARATIVE ADJECTIVES - TÍNH TỪ SO SÁNH HƠN

I - Tính từ ngắn và tính từ dài

1. Tính từ ngắn

- Tính từ có một âm tiết

Ex: *short, thin, big, smart*

- Tính từ có hai âm tiết nhưng kết thúc bằng **-y, -le, -ow, -er, và -et**

Ex : **happy, gentle, narrow, clever, quiet**

2. Tính từ dài

- Các tính từ hai âm tiết không kết thúc bằng những đuôi nêu trong phần tính từ ngắn

Ex: *perfect, childish, nervous*

- Các tính từ có từ ba âm tiết trở lên

Ex: *beautiful* (ba âm tiết), *intelligent* (bốn âm tiết), *satisfactory* (năm âm tiết)

Một số tính từ hai âm tiết có thể vừa được coi là tính từ ngắn, vừa là tính từ dài.

II - So sánh hơn của tính từ ngắn: adj + -er + (than)

Ex: Bikes are slower than cars.

***Quy tắc thêm -er vào sau tính từ ngắn trong so sánh hơn**

- Phần lớn các tính từ ngắn: thêm -er (*fast – faster*)
- Tính từ kết thúc bằng -y: bỏ -y, và thêm -ier (*happy – happier*)
- Tính từ kết thúc bằng -e: thêm -r (*simple – simpler*)
- Tính từ kết thúc bằng một nguyên âm và một phụ âm: gấp đôi phụ âm cuối rồi sau đó mới thêm -er (*thin – thinner*)

III - So sánh hơn của tính từ dài: more + adj + (than)

Ex:

- A lion is more dangerous than an elephant.
- The bus fare is more expensive this year.

*** Một số tính từ đặc biệt**

good - better

bad - worse

many, much - more

little - less

far - farther, further

C. SIMPLE FUTURE TENSE - THÌ TƯƠNG LAI

S + will + V₀

S + will + not + V₀

(WH-word) + Will + S + V₀?

* I, WE dùng với will hoặc shall

Ex:

- ✓ I will buy a cake tomorrow.
- ✓ My family will travel in HCM City next week
- ✓ I won't come your house tomorrow.
- ✓ I promise I will not/ won't tell this anyone
- ✓ Will you go to the party with me? -> Yes, I will /No, I won't
- ✓ Shall we have dinner together?- I'd like/ love to . Mình rất thích/ Yes, all right. Được thôi

Chú ý:

- Trợ động từ **WILL** có thể viết tắt là **"LL**
(He will = He'll, She will = She'll, I will = I'll, They will = They'll, You will = You'll..)

- Phủ định của will là **WILL NOT = WON'T**